



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Teaching Methodology - 1105033

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110503301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Thái Yên Hà - (05002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998	<i>lu</i>	5.8	Năm tám	C18TA	
2	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<i>Hang</i>	3.7	Ba bảy	C18TA	
3	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998	<i>Hiền</i>	5.8	Năm tám	C18TA	
4	1510130041	Trần Phạm Thanh Hương	07/5/1997	<i>hmk</i>	3.7	Ba bảy	C17TA	
5	1510130048	Lê Ngọc Khánh Linh	20/07/1997	<i>Linh</i>	3.7	Ba bảy	C17TA	
6	1610130059	Đặng Đại Lộc	19/6/1998	<i>Đalo</i>	5.9	Năm chín	C18TA	
7	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<i>mai</i>	5.9	Năm chín	C18TA	
8	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<i>Thuy</i>	5.8	Năm tám	C18TA	
9	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998	<i>Oanh</i>	5.8	Năm tám	C18TA	
10	1510130034	Nguyễn Thị Kim Phượng	16/10/1997	<i>Kim</i>	5.8	Năm tám	C17TA	
11	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<i>Thuy</i>	5.9	Năm chín	C18TA	
12	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997	<i>Th</i>	5.8	Năm tám	C17TA	
13	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998				C18TA	
14	1610130071	Phan Ngọc Đoan Trinh	07/06/1997	<i>Trinh</i>	3.7	Ba bảy	C18TA	
15	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998	<i>Tuc</i>	5.8	Năm tám	C18TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 01 Số bài thi: 14 / 15Số sinh viên đạt/không đạt: 10 / 4Tỷ lệ đạt: 70 %Ngày 23 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 29 tháng 6 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thái Yên Hà

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Teaching Methodology - 1105033

Mã lớp học phần: 110503301

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Thái Yên Hà

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: Thái Yên Hà Ký tên: hah

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998	<u>u</u>		7.0	Bảy không	C18TA	
2	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<u>Hog</u>		5.0	Năm không	C18TA	
3	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998	<u>H</u>		6.0	Sáu không	C18TA	
4	1510130041	Trần Phạm Thanh Hương	07/5/1997	<u>hnh</u>		5.0	Năm không	C17TA	Nợ HP 2
5	1510130048	Lê Ngọc Khánh Linh	20/07/1997	<u>Linh</u>		5.0	Năm không	C17TA	Nợ HP 2
6	1610130059	Đặng Đại Lộc	19/6/1998	<u>daio</u>		5.6	Năm sáu	C18TA	
7	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<u>mai</u>		6.1	Sáu một	C18TA	
8	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<u>thuy</u>		7.6	Bảy sáu	C18TA	Nợ HP 2
9	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998	<u>co</u>		7.0	Bảy không	C18TA	
10	1510130034	Nguyễn Thị Kim Phượng	16/10/1997	<u>fp</u>		6.0	Sáu không	C17TA	
11	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<u>tht</u>		6.1	Sáu một	C18TA	
12	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997	<u>tl</u>		5.0	Năm không	C17TA	Nợ HP 2
13	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998					C18TA	Vắng
14	1610130071	Phan Ngọc Đoàn Trinh	07/06/1997	<u>goc</u>		5.3	Năm ba	C18TA	Nợ HP 2
15	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998	<u>tuc</u>		7.0	Bảy không	C18TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 14 / 14Số sinh viên đạt: 14 Tỷ lệ đạt: 100%Ngày.....tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phụng Đan

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thái Yên Hà